

Đông Hà, ngày 09 tháng 8 năm 2018

HƯỚNG DẪN
VỀ QUẢN LÝ, KINH DOANH HOẠT ĐỘNG THỂ THAO

Thời gian qua, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, các cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn thành phố ngày càng nhiều đưa lại nhiều lợi ích thiết thực, phục vụ nhu cầu tập luyện thể thao của nhân dân trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, phần lớn do chưa tiếp cận được các văn bản hướng dẫn về kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật nên nhiều cơ sở hoạt động nhưng chưa đảm bảo các điều kiện, chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Căn cứ Luật Thể dục Thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục, thể thao; Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao; Hướng dẫn về kinh doanh hoạt động thể thao của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị, để thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý kinh doanh hoạt động thể thao, Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố hướng dẫn thực hiện như sau:

A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Hướng dẫn này áp dụng đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao, tổ chức, cá nhân liên quan đến kinh doanh hoạt động thể thao (*Quy định này không áp dụng đối với các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp*).

B. ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

I. Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao phải bảo đảm các điều kiện sau đây

a) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

b) Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Nguồn tài chính do cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao tự chịu trách nhiệm;

c) Có nhân viên chuyên môn khi kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này,

2. Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc một trong các trường hợp sau đây phải có người hướng dẫn tập luyện thể thao theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

a) Cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao;

b) Kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện. Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

3. Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải có đủ nhân viên chuyên môn sau đây:

a) Người hướng dẫn tập luyện thể thao theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao;

b) Nhân viên cứu hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định này;

c) Nhân viên y tế thường trực theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định này hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

II. Điều kiện về nhân viên chuyên môn

Điều kiện về nhân viên chuyên môn của cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao như sau:

1. Người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

b) Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

c) Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Nhân viên cứu hộ tại cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao là người được tập huấn chuyên môn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Nhân viên y tế tại cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao là người có trình độ chuyên môn từ trung cấp y tế trở lên.

III. Điều kiện kinh doanh đối với một số hoạt động thể thao cụ thể

1. Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong nhà, trong sân tập:

a) Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao;

b) Có đủ diện tích sàn tập trong nhà, sân tập đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

2. Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tại vùng trời, vùng biển, sông hồ, vùng núi hoặc khu vực công cộng khác:

a) Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao;

b) Có khu vực kinh doanh hoạt động thể thao thuộc vùng trời, vùng biển, sông, hồ, vùng núi hoặc khu vực công cộng khác. Khu vực kinh doanh hoạt động thể thao này do cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao tự xác định.

3. Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong bể bơi:

a) Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao;

b) Nước bể bơi đáp ứng mức giới hạn chỉ tiêu chất lượng nước sinh hoạt thông thường đã được công bố.

IV. Bảo đảm điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao phải bảo đảm duy trì các điều kiện theo quy định tại Nghị định này trong suốt quá trình kinh doanh hoạt động thể thao.

2. Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh hoạt động thể thao kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

3. Hộ kinh doanh và các cơ sở khác chỉ được kinh doanh hoạt động thể thao khi có đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị định này.

Doanh nghiệp sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong các trường hợp sau: cung cấp thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện; chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao.

C. CẤP, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH HOẠT ĐỘNG THỂ THAO

I. Đối với cơ sở thể thao tổ chức hoạt động là hộ kinh doanh cá thể

- Phải được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại bộ phận một cửa của UBND thành phố Đông Hà để đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể*).

- Tự đảm bảo và tổ chức thực hiện đúng các quy định về điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn mà mình kinh doanh được quy định tại các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

Hồ sơ đăng ký gồm:

+ Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh (*theo mẫu tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thành phố*).

+ Bản sao giấy CMND của các cá nhân tham gia hộ kinh doanh hoặc người đại diện hộ gia đình.

+ Biên bản họp nhóm cá nhân về việc thành lập hộ kinh doanh (*trường hợp hộ kinh doanh do một nhóm cá nhân thành lập*); chứng chỉ hành nghề của cá nhân hoặc đại diện hộ gia đình (*trường hợp kinh doanh ngành nghề cần chứng chỉ hành nghề*); Bản sao hợp lệ văn bản xác định vốn pháp định (*trường hợp ngành nghề kinh doanh cần vốn pháp định*).

+ Giấy đăng ký thuế mẫu 03 của Chi cục thuế (*Quyết định của UBND về chế độ liên thông một cửa và trách nhiệm giải quyết hồ sơ hành chính đăng ký hộ kinh doanh và cấp giấy Chứng nhận đăng ký thuế trên địa bàn thành phố*).

+ Hộ kinh doanh hoạt động thể thao sử dụng thường xuyên từ mười lao động trở lên phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

II. Đối với cơ sở thể thao là tổ chức, doanh nghiệp

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện (*Điều 9 Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao*).

1.1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo hướng dẫn này này, bao gồm nội dung chính sau đây:

- a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
- b) Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao;
- c) Danh mục hoạt động thể thao kinh doanh;
- d) Số, ngày, tháng, năm cấp; cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

1.2. Cơ quan tiếp nhận làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (*Điều 10 Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao*).

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bao gồm:

2.1. Đơn đề nghị theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2.2. Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (*có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 của Nghị định này*).

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (*Điều 11 Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao*).

3.1. Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đến cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nơi đăng ký địa điểm kinh doanh.

Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp cho doanh nghiệp giấy tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện

thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

3.2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.3. Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử.

4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (*Điều 12 Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao*).

4.1. Doanh nghiệp được cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi một trong các nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 9 của Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất hoặc hư hỏng.

4.2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp;

c) Tài liệu chứng minh sự thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

4.3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị hư hỏng trong trường hợp bị hư hỏng.

5. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (*Điều 13 Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao*).

5.1. Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đến cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nơi đăng ký địa điểm kinh doanh.

Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp cho doanh nghiệp giấy tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

5.2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thẩm định hồ sơ, cấp lại Giấy chứng nhận đủ

điều kiện. Trường hợp không cấp lại, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5.3. Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử.

6. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện (*Điều 14 Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao*).

6.1. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cung cấp thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện;

b) Châm dứt kinh doanh hoạt động thể thao;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6.2. Trình tự thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện

a) Trình tự thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện; thông báo Quyết định thu hồi đến các cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện.

Doanh nghiệp phải nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp, đồng thời dừng toàn bộ hoạt động kinh doanh thể thao ngay sau khi Quyết định thu hồi có hiệu lực.

b) Trình tự thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ thời điểm chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận được Giấy chứng nhận đủ điều kiện do doanh nghiệp nộp lại, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ban hành Quyết định thu hồi; thông báo Quyết định thu hồi đến các cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị UBND các phường, sau khi nhận các văn bản hướng dẫn về quản lý hoạt động kinh doanh thể thao trên địa bàn thành phố Đông Hà của Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức cá nhân thực hiện các yêu cầu về điều kiện kinh doanh thể thao trên địa bàn phường theo quy định.

2. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân rà soát các nội dung hướng dẫn nêu trên để thực hiện các thủ tục cấp cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thể thao theo Nghị

định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trước khi hoạt động.

3. Đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố phối hợp hướng dẫn thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho các hộ cá thể.

4. Đề nghị Sở VH,TT&DL Quảng Trị tạo điều kiện thuận lợi hướng dẫn thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thể thao trên địa bàn thành phố.

5. Nhằm đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động kinh doanh thể thao trên địa bàn thành phố. Trong thời gian tới, Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố phối hợp với Thanh tra Sở VH,TT&DL, tham mưu UBND thành phố thành lập Đoàn kiểm tra xử lý vi phạm các cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn thành phố.

Trên đây là hướng dẫn về các hoạt động kinh doanh thể thao trên địa bàn thành phố Đông Hà. Mọi thông tin chi tiết, liên hệ Phòng Văn hoá và Thông tin thành phố Đông Hà, điện thoại: 0233.3854091 hoặc 0944.117.345.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở VH,TT&DL;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Phòng Tài chính Kế hoạch TP;
- Chi cục Thuế Đông Hà;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- UBND các phường;
- Các cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao;
- Lưu: VH&TT.



Lê Cửu Long

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao
Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao
Mẫu số 03	Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao
Mẫu số 04	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Mẫu số 01

Mặt trước:

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC
THUỘC TRUNG ƯƠNG**
Tên Sở Văn hóa, Thể thao và
Du lịch hoặc Sở Văn hóa và
Thể thao trong trường hợp
được ủy quyền cấp Giấy
chứng nhận đủ điều kiện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số: /GCN.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website: Email:
- Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính: Chức danh:
Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
- Địa điểm kinh doanh:
- Danh mục hoạt động thể thao kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

**CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, cho mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện này. Nếu mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện, phải thông báo ngay cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện biết.
2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện này phải để tại địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp nêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được ủy quyền)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):...

.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do: cấp ngày.... tháng.... năm..., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện

thoại: Fax:

Website: Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày:// Dân tộc: Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp:// Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

.....

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định

số...../2016/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng.... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được ủy quyền)

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):

.....
- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:..... Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của (tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Điều 6 của Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7 của Nghị định số...../2016/NĐ-CP ngày tháng.... năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp, luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được ủy quyền)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):

.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

.....

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: Chức danh:.....

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu: Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày... thángnăm, đăng ký thay đổi lần thứngày ...tháng... năm....

5. Lý do đề nghị cấp lại:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2016/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)